

Ở tâm hồn ấy, con người ấy thì phải là văn thơ ấy.

Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu càng được tỏa sáng qua văn thơ và ngược lại văn thơ ấy cũng được tôn vinh, càng rực sáng khi có được cuộc đời ấy. Riêng ở nước ta nổi bật lên là dòng văn chương yêu nước và cách mạng, trong điều kiện tự do độc lập suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước phải trả giá bằng những hi sinh mất mát to lớn, thì cái hiện tượng tỏa sáng vào nhau giữa nhà văn và tác phẩm thường thấy hơn, từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu, Hồ Chủ tịch đều là như thế. Đương nhiên một tác phẩm có giá trị là do phẩm chất nội tại của nó ; rất ít thuyết phục là cách đánh giá chỉ nhìn vào người mà rất ít nhìn vào tác phẩm. Ở những trường hợp như của Nguyễn Đình Chiểu, thì sự hô ứng giữa con người và tác phẩm, nói riêng là sức thuyết phục và tỏa sáng của bản thân cuộc đời và nhân cách của tác giả càng tăng thêm giá trị và ý nghĩa của tác phẩm. Tôi hiểu ý kiến rất hay của đồng chí Phạm Văn Đồng : "Trên trời có những vì sao càng nhìn càng thấy sáng, Nguyễn Đình Chiểu là một ngôi sao như thế" là nói về cả cuộc đời và sáng tác của nhà thơ.

1982

## NỐI NIỀM TÚ XƯƠNG

Đứng trên lập trường phong kiến, nói lên tiếng nói của đạo đức phong kiến, khi khen cũng như khi chê, thì tất cả đều vào đấy. Đạo đức, sách vở nghiêm ngặt của thánh hiền không dung nạp sự trào lộng, không cho xen lẫn tiếng cười vào những việc nghiêm trang.

Đến cuối thế kỷ 19, khi bắt đầu xảy ra sự va chạm giữa xã hội phong kiến và nền văn minh tư sản, cuộc sống tưởng như xây dựng trên nền tảng bất khả xâm phạm, bỗng nhiên bị phủ định không thương xót, cái tưởng là thiêng liêng, bất di bất dịch bỗng trở thành lỗi thời, thảm hại, lố lăng.

Cái độc đáo của nhà thơ Tú Xương chính là ở chỗ kết tinh được cái "độc đáo" của thời buổi. Có những cái chỉ ở thời Tú Xương mới có. Những cái đó sẽ còn tiếp diễn, và phát triển lên với chế độ tư bản thực dân, nhưng đậm vào tai mắt, để lại ấn tượng sâu sắc nhất, mà cũng lạ lùng nhất, là ở vào buổi giao thời ban đầu.

Phải là nhà nho mới thấm thía hết trước những đổi thay quái gở không sao ngờ tới. Phải là người có thân thế như Tú Xương mới có cái giọng cay cứng, chua chát, tức tối như thế. Bản thân Tú Xương không biết mình nên như thế nào, ước mong cái gì, phong lưu là nên hay không nên, thi cử, vợ con là nghiêm túc hay để đùa giỡn. Cuộc sống tự trào lộng. Tất cả đều đảo lộn. Tất cả đều trở thành trớ trêu, vô nghĩa. Vậy thì cứ sống ngông nghênh, cứ đem tất cả ra mà trào lộng. Tú Xương được thời buổi biến thành nhà thơ trào phúng lớn nhất của nền văn học Việt Nam, và ở nhà thơ này hình thức tự trào là hình thức thường dùng và thấm thía nhất, mang ý nghĩa khai quát, phát hiện lớn về tình trạng ý thức đương thời.

"Các thầy đồ cổ đồ mau đi", nhà nho trở thành lỗi thời, thừa thãi. Nhưng con người thừa này lại mong tìm cách gõ gac, vớt vát, đua đòi gượng gạo trong "nếp sống mới", tự cho mình là biết sống hơn người :

Nghien chè, nghien rượu, nghien cả cao lầu.  
Hay hát, hay chơi, hay nghê xuống lồng...  
Quanh năm phong vận, áo hàng Tàu,  
    khăn nhiều tím, ô lục soạn xanh  
Ra phố nghênh ngang, quần tố nữ  
    bit tái tơ, giày Gia Định bóng...

Hồng Khoa Canh Tí

- Bài bạc kiệu cờ cao nhất xú

Rượu chè trai gái đủ tam khoanh  
    Tự cười mình

Vừa như đem tất cả điêu đó ra mà phô trương, vừa như tự bỉ:

Ông bám ông ăn đứa trọc đầu  
Đầu không có tóc bám vào đầu  
Nghĩ mình nghịen nặng cho nên kiết  
Đành nó ăn chay ắt hẳn giàu...

Thói ngông cũng là một cách thách thức đối với trật tự thống trị, một sự phản ứng cá nhân không có hậu thuẫn và mang tính chất liều lĩnh, cộc cằn. Ở cái thời phong kiến của Phạm Thái, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, nó còn mang ít nhiều sắc thái triết lý, ít nhiều dâng dấp ngang tàng, phóng khoáng. Còn ở thời buổi của Tú Xương, với cái tâm lí thất bại chủ nghĩa của một bộ phận nho sĩ mất hướng, ngông nghênh không còn hơi hám khí phách, mà trở thành một trò cà kheo hay buông tuồng thảm hại.

Trước Tú Xương một thế kỉ, Phạm Thái viết :

Sóng ở dương gian đánh chén chè  
Chết về âm phủ cắp kè kè  
Diêm vương phán hỏi rằng chi đó ?  
Be !

Ta tưởng đã là thách thức táo bạo lắm rồi. Song Phạm Thái chán chường, bi thảm, còn bây giờ thì con người ở thời buổi Tú Xương trắng trợn quá lắm mà vẫn cứ thản nhiên như không :

Vì Xuyên có Tú Xương  
Đở dở lại ương ương  
Cao lầu thường ăn quít  
Thở đì lại chơi lường.

Thời buổi Tú Xương là như thế. Tình trạng ý thức của lớp người Tú Xương là như thế. Đứng trước sự xâm lăng của nền "văn minh" tư sản thực dân, đứng trước sự hủy hoại những giá trị tinh thần là bền vững, đứng trước kỉ nguyên của đồng tiền, của thói vô đạo đức, dung tục của nếp sống thị dân, trước nguy cơ san bằng tất cả, họ cảm phẫn, tức tối, đồng thời cảm thấy bất lực, như trước một thế lực đáng nguyên rủa nhưng không sao cưỡng lại nổi. Bởi vì xã hội phong kiến đã hoàn toàn mất lí do tồn tại, trước sự thay thế tai hại nhưng tất yếu của chủ nghĩa tư bản, Tú Xương vừa cưỡng lại vừa có phần buông trôi, chỉ còn biết cười gằn chửi đổng.

Người ta thường so sánh Tú Xương với Yên Đổ. Nhưng Yên Đổ mới chỉ là khúc nhạc dạo. Yên Đổ mới chỉ bắt đầu cái mà Tú Xương hoàn thành. Xét về mặt khuynh hướng tư tưởng thì lập trường và lí tưởng đạo đức thẩm mĩ của Yên Đổ là lập trường nho giáo - một thứ nho giáo giản dị, bình dân, không cao đạo. Nếu Yên Đổ là nhà thơ kiệt xuất cuối cùng của nho giáo lúc bấy giờ thì Tú Xương là nhà thơ lớn đầu tiên đã nói lên sự phá sản hoàn toàn của nho giáo. Yên Đổ sinh trước Tú Xương 35 năm, Yên Đổ đã đạt cao và tuy chỉ ra làm quan có tám năm, sau cáo quan về sống ở nông thôn, cuộc đời thanh bần nhưng đầy danh vọng và uy tín của ông dù sao cũng đã là một nguồn an ủi. Yên Đổ không có lí do riêng gì để bất mãn sâu sắc.

Có một sự gần gũi nào đó giữa Tú Xương và Yên Đổ thì cũng là điều dễ hiểu. Họ là những người đồng thời và đều là nhà thơ. Bản

thân Yên Đổ không phải là kẻ đầu hàng, nhưng giai cấp Yên Đổ đã đầu hàng. Bình sinh Yên Đổ không phải là một kẻ thất bại, nhưng Yên Đổ mang tâm lí thất bại của giai cấp mình, của những người mất nước mất hướng xung quanh mình :

*Cờ đương dở cuộc không còn nước*

*Bạc chữa thâu canh đã chạy lảng.*

Tự Trào

Thống thiết hơn nữa :

*Ôn vua chưa chút báo đền*

*Cúi trông hẹn đất ngảng lên hẹn trời.*

Cúi xuống hay ngảng lên thì đất trời đều thuộc bọn thực dân cướp nước. Có điều là bên cạnh nỗi niềm chung của người dân mất nước, trong Yên Đổ vẫn có một mảng ý thức nếu không phải là bất khả xâm phạm thì cũng khá là kiên cố có thể rút về cố thủ được: đó là cái tiết tháo của nhà nho...

*Giữ son sắt êm đêm một tiết*

*Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết*

*Mảnh gương trinh vàng vặc quyết không nhơ*

*Đắp tai ngoảnh mặt làm ngơ*

*Răng khôn cũng chịu rằng khờ cũng thấy.*

Mẹ Mốc

Tuy nhiên câu thơ vẫn có cái gì trống tron, chơi voi, vì thời thế đã khiến cho cái tiết tháo nào đứng ngoài cái đạo nghĩa cứu nước cứu dân, mà không đi đến đương đầu trực tiếp với kẻ cướp nước thì cũng chỉ là tiết tháo nửa vời.

Tiết tháo chỉ còn là chuyện của *Anh già điếc*, chuyện trở ra của *Phóng đá*, còn đâu nữa cái tên mĩ miêu *Tiết phụ ngâm* mà chỉ là *Lời gái gỏa*, *Mẹ Mốc*. Có thể nhận thấy tinh thần thất bại ngay

trong tên các bài thơ ấy. Tiết tháo đã thiếu hẳn đức tự tin, tự tôn, nó như ở bước đường cùng, không còn chút nào khí thế "tiến công", mà được biểu hiện một cách tiêu cực, không phải bằng khẳng định mà bằng sự khước từ, bằng cách giả cảm giả điếc, bằng cách ủ lì như phông đá. Bên ngoài thì muốn tự khẳng định, dù sao cũng là một cách chối bỏ nhưng thực tế là tự phê phán, tự phủ định. Yên Đổ cáo quan về vườn, sống cuộc đời ẩn dật, nhưng thời thế đã đổi khác lắm rồi, cái phong thái ẩn dật không lấy gì làm cao xa trong thơ ông. Dĩ nhiên, như mọi nhà nho khác, Yên Đổ thỉnh thoảng để lộ một nụ cười mỉa mai, khinh khi, tuy không nhăm mắt làm ngơ trước cảnh nước mất nhà tan, tuy có sự ưu thời mẫn thế, nhưng dù sao Yên Đổ vẫn là người đứng ngoài, đứng trên thời cuộc.

Còn Tú Xương thì không bao giờ nghĩ đến chuyện ẩn dật, không nghĩ đến có thể đứng ngoài, đứng trên sự đời được. Nhà thơ tự nhủ mình : "*Giương mắt làm chi buổi bạc tình*", "*Ngủ quách sự đời thấy kẻ thức*", nhưng vẫn không sao nhắm mắt bịt tai trước thời thế đảo điên. Không đứng ngoài, đứng trên, Tú Xương là người trong cuộc, nhưng lại không có chỗ đứng nào trong xã hội mới đang hình thành.

Có thể ra khỏi bế tắc, tìm thấy lối thoát trong đạo nghĩa "tề gia", tìm người quên an ủi bên cạnh vợ con chăng ? Thái độ của Tú Xương đối với vợ cũng là tiêu biểu cho tình trạng ý thức đương thời. Có thể đồng ý với nhà nghiên cứu đã quá cố Trần Thanh Mai khi anh cho rằng : "Cách châm biếm của Tú Xương đối với vợ là một cách biểu lộ mối âu yếm thiết tha, lòng biết ơn sâu sắc của nhà thơ". Nhưng bản thân việc nhà thơ đem ngay cái đức tần tảo chịu thương chịu khó của vợ ra mà châm biếm là điều hết sức mỉa mè và cần được lý giải. Tú Xương chưa bao giờ có dám ba câu gọi là nghiêm túc khi nói đến vợ. Có thể là do cách làm thơ trào phúng. Nhưng nguyên nhân sâu xa là ở chỗ khác. Bởi vì mỗi một bà Tú, hay chuyện hi sinh quên mình, chuyện đức hạnh của mỗi người phụ nữ có ý nghĩa gì đâu đối với đại cuộc, không ngăn chặn được cảnh nước mất nhà tan, cảnh những giá trị lâu đời của dân tộc bị chủ nghĩa thực dân hủy hoại. Thời Tú Xương, chuyện đạo nghĩa vợ chồng đã trở thành

đối tượng cười cợt như toàn bộ kỉ cương giêng mối phong kiến. Bà Tú có giữ được truyền thống đảm đương hiền thực của người Việt Nam, nhưng cũng như mọi sự khác, truyền thống này có nguy cơ bị cái buổi "bạc tình" này đe dọa cuốn phăng đi.

Thế đấy, Tú Xương thương vợ mà vẫn tỏ ra vô trách nhiệm, tệ bạc với vợ. Tú Xương đã tám lần ôm lều chống đi thi mà không biết mình thi để làm gì, có đỗ đạt thì cũng chẳng thay đổi gì. Tú Xương lao vào cuộc sống phong lưu, mặc dù thấy hết cái bấp bênh đối trá của cuộc sống này. Tú Xương giêng cợt không thương xót tầng lớp mình :

*Đi thi đi cử các thầy nho*

Ta dặn điêu này phải nhớ cho  
Ra phố khăn ngang quàng lấy mắt  
Vào trường quần rộng xắn lên khu  
Câu văn đặc ý đừng ngusty ngusty  
Chén rượu mềm môi chờ gặt gù...

Có khi là tự giêng cợt trong cái chân dung tự họa :

Ở phố hàng Nâu có phỗng sành  
Mặt thì lơ láo mắt thì nhanh.

*Tự cười mình*

"Lơ láo", "nhanh", vì bị đe dọa, vì phải đối phó với bao nhiêu điều trớ trêu bất trắc của thời buổi.

Hiếm hoi lầm, nhưng thật có ý nghĩa, là khi nhà thơ từ bỏ cái giọng chua cay khinh bạc. Ấy là trong mấy bài thơ tỏ niềm ưu ái trước chuyện vật đổi sao dời của đất nước :

Sông kia rày đã nên đồng  
Chỗ làm nhà cửa chỗ trông ngô khoai  
Vảng nghe tiếng éch bên tai  
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.

*Sông Lập*

Tiếng gọi đò không có hồi âm, không được đáp ứng, nhưng đêm đêm như còn vọng lại, nhắc nhở không nguôi :

Trời không chớp bể chẳng mưa nguồn  
Đêm nào đêm nào tờ cung buồn  
Bối rối tình duyên con gió thoảng  
Nhạt nhèo quang cảnh bóng trăng suông...  
**Đêm hè**

"Bối rối", "giật mình", "buồn", "trơ vơ", nhà thơ cảm thấy mình đã không đi con đường đáng lẽ phải đi. Không phải ngẫu nhiên mà một bài thơ của Tú Xương lấy tên là *Lạc đường* :

Một mình đứng giữa khoảng trơ vơ  
Có gặp ai không để đợi chờ  
Nước biếc non xanh coi vắng vẻ  
Kẻ đi người lại dáng bơ phờ  
Hỏi người chỉ thấy non xanh ngắt  
Đợi nước càng thêm tóc bạc phơ  
Đường đất xa khơi ai mách bảo  
Biết đâu mà ngóng đến bao giờ.

Con đường phải đi, đó là con đường của Phan Bội Châu là người mà nhà thơ nói đến với xiết bao cảm phục và ngưỡng vọng, giọng thơ triều mến, âu yếm như chưa hề thấy ở Tú Xương :

Mấy năm vượt bể lại trèo non  
Em hỏi thăm qua bắc hãy còn  
Mái tóc Giáp Thìn đã nhuộm tuyết ?  
Điểm đâu Canh Tí chưa phai son...

*Gửi ông Thủ khoa Phan*

Bài thơ thứ hai lấy tên là *Tương tư*:

Ta nhớ người xa cách núi sông  
Người xa xa lám nhớ ta không...

...Tương tư lợ phải là trai gái  
Một ngọn đèn xanh trống điếm thùng.

Dù cười đời, rủa đời như Tú Xương, Yên Đổ, dù coi đời chỉ là "giấc mộng lớn, giấc mộng con" như Tân Đà, dù "chỉ biết yêu thôi chẳng biết gì" hay thích "lịm người trong đau thương" như nhiều nhà thơ mới lãng mạn, thì mỗi người trong họ hoặc nhiều hoặc ít, dù xa xăm hay trực diện, vẫn có được những vần thơ yêu nước. Không có gì lạ, họ vốn là người Việt Nam, nặng lòng với đất nước, mang truyền thống yêu nước lâu đời trong đời sống cũng như trong thơ ca Việt Nam.

1982

**BUỚC NGOẶT**  
**CỦA THƠ CA YÊU NƯỚC VIỆT NAM :**  
**ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC**

Từ trước thế kỉ XX, văn chương yêu nước Việt Nam đã có một truyền thống vững vàng : ý thức dân tộc, lòng yêu nước được bộc lộ dũng dạc, hiên ngang với Lý Thường Kiệt ; bộc trực, đanh thép với Trần Hưng Đạo ; trang nghiêm hào hùng với Nguyễn Trãi ; xót xa, da diết với Nguyễn Đình Chiểu. Mục tiêu đấu tranh là đánh đuổi quân xâm lược, giành độc lập cho nước nhà. Mức độ và sắc thái có khác nhau, nhưng bao trùm lên tất cả là lòng yêu nước thương nòi, lòng tự tôn, tự hào dân tộc, tinh thần quật khởi, bất khuất, nằm trong khuôn khổ trung quân ái quốc của hệ tư tưởng phong kiến.

Đến đầu thế kỉ XX, cuộc vận động yêu nước ở nước ta bước vào một giai đoạn lịch sử mới. Thực dân Pháp đã đặt xong ách đô hộ và chuyển mạnh sang chính sách khai thác thuộc địa đối với Đông Dương, một mặt duy trì những nền tảng và nề nếp của chế độ phong kiến có lợi cho sự thống trị của chúng, mặt khác, đưa nước ta vào con đường phát triển tư bản chủ nghĩa. Giai cấp phong kiến Việt Nam cam tâm làm tay sai cho đế quốc Pháp, những sự khuất phục và đầu hàng liên tiếp của triều đình Mân Thanh, sự thất bại không cứu vãn được của phong trào Cần vương, ưu thế của các hình thức "văn minh" tư sản do thực dân Pháp du nhập vào nước ta, tất cả những điều đó không thể không đậm mạnh vào trí óc của các sĩ phu lãnh đạo phong trào bước vào thế kỉ XX. Thế rồi, tiếp xúc với tư tưởng cách mạng tư sản phương Tây qua tân thư Trung Quốc, họ được trang bị ít nhiều về lí luận, và lí luận ấy đã được thực tế xác nhận : Nhật Bản "vốn nước đồng văn", từ một nước lạc hậu, chỉ qua mấy mươi năm duy tân, đã đánh bại "cường Nga", bước lên địa vị cường quốc. Đó là ảo tưởng sẽ đưa họ đến thất vọng cay đắng. Nhưng trong hoàn cảnh bế tắc thời bấy giờ, họ cần có một niềm tin, dù là tin ở cái màu "da vàng", cần có một tấm gương, dù là tấm gương của một đế quốc chủ nghĩa đã tiến hành xâm lược Triều Tiên, Trung Quốc.